

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2019

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ

- Tên trường: Trường Đại học Dược Hà Nội.

- Sứ mệnh: Trường Đại học Dược Hà Nội là trường có sứ mạng đi tiên phong trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ Dược cho ngành y tế Việt Nam đặc biệt là đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao ngang tầm khu vực và thế giới. Trường phải là một trong những trung tâm hàng đầu của cả nước về nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, là đầu mối giao lưu quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành Dược.

- Địa chỉ Trường: Số 13, 15 - Lê Thánh Tông - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường: www.hup.edu.vn.

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại	
	Đối tượng	Số lượng
Nhóm ngành VI	Nghiên cứu sinh	43
	Học viên cao học	190
	Sinh viên đại học	3137
	Tổng	3370

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm 2017, 2018

1.3.1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia 3 môn Toán học, Vật lý và Hóa học.

1.3.2. Điểm trúng tuyển đại học chính quy

Nhóm ngành VI/ Ngành Dược học	Năm 2017			Năm 2018		
	Chỉ tiêu ^(*)	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu ^(*)	Số TT	Điểm TT
Tổ hợp: Toán học, Vật lý, Hóa học	600	608	28,00	730	742	23,05

Ghi chú: ^(*) chỉ tiêu chưa bao gồm chỉ tiêu đại học liên thông, đại học văn bằng hai.

2. Các thông tin tuyển sinh năm 2019

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 6 Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy ban hành theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/1/2017 và sửa đổi tại Điểm 1, Điều 1 Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Không tuyển thí sinh dị tật, khuyết tật chân tay.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh

- Nhà trường xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia năm 2019 bài thi Toán học và môn thi Vật lý, Hóa học của bài thi Khoa học tự nhiên.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

- 750 chỉ tiêu đại học chính quy ngành Dược học.

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học năm 2019 của Trường được Nhà trường thông báo cụ thể trước khi thí sinh điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT

- Mã Trường: DKH.

- Ngành tuyển sinh: Dược học.

- Mã số ngành: 7720201.

- Tổ hợp xét tuyển: bài thi Toán học và môn thi Vật lý, Hóa học của bài thi Khoa học tự nhiên.

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trong trường hợp cần thiết, sau khi xác định tổng điểm chuẩn trúng tuyển mà số thí sinh trong danh sách đạt điểm chuẩn vượt trên chỉ tiêu đã xác định thì Hội đồng tuyển sinh Nhà trường thực hiện xét tuyển các thí sinh có tổng điểm tổ hợp bằng nhau ở cuối danh sách theo tiêu chí bổ sung để lấy đủ chỉ tiêu, cụ thể như sau:

+ Tiêu chí bổ sung 1: thí sinh có điểm môn thi Hóa học cao hơn sẽ trúng tuyển.

Sau khi xét tiêu chí bổ sung 1 mà vẫn chưa xác định được điều kiện trúng tuyển, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường thực hiện xét tuyển theo tiêu chí bổ sung 2, cụ thể như

sau:

+ Tiêu chí bổ sung 2: thí sinh có điểm bài thi Toán cao hơn sẽ trúng tuyển.

2.7. Tổ chức tuyển sinh

- Nhà trường xét tuyển đợt 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sau khi xét tuyển đợt 1, nếu còn chỉ tiêu tuyển sinh Nhà trường sẽ thông báo nhận hồ sơ ĐKXT bổ sung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức nhận ĐKXT: theo phương thức trực tuyến.

2.8. Chính sách ưu tiên

2.8.1. Các đối tượng xét tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học.

b) Người đã trúng tuyển vào Trường Đại học Dược Hà Nội, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức.

c) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Hóa học, thí sinh đoạt giải nhất, nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Hóa học đã tốt nghiệp trung học được tuyển thẳng vào đại học.

d) Đối với thí sinh là người nước ngoài: Nhà trường căn cứ kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt để xem xét, quyết định cho vào học.

e) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư

cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Những thí sinh trúng tuyển sẽ phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức.

2.8.2. Các đối tượng ưu tiên xét tuyển

Đối tượng ưu tiên xét tuyển là các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Toán học, Vật lý và các thí sinh đoạt giải nhất, nhì môn Toán học, Vật lý, các thí sinh đoạt giải ba môn Hóa học trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia đã tốt nghiệp trung học, sau khi hoàn thành kỳ thi THPT quốc gia, có kết quả thi đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2019.

2.9. Lệ phí xét tuyển: theo quy định hiện hành.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy năm học 2019-2020, lộ trình tăng học phí

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, chi, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, Trường Đại học Dược Hà Nội dự kiến sinh viên chính quy năm học 2019-2020 lộ trình tăng học phí đến năm 2020-2021 như sau:

- Học phí năm học 2019-2020: 1.300.000 đồng/tháng.
- Học phí năm học 2020-2021: 1.430.000 đồng/tháng.

Các mức học phí trên có thể thay đổi khi Chính phủ có văn bản điều chỉnh.

2.11. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2019

Địa chỉ website của trường: www.hup.edu.vn

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Vũ Xuân Giang	Trưởng phòng Đào tạo	0913.514.247	tuyensinhdkh@hup.edu.vn

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm (nếu có)

3.1. *Tuyển sinh bổ sung đợt 1:* nhận hồ sơ từ ngày 22/8/2019.

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất: 220109,7 m² (ở Hà Nội và 205678,1 m² đất cơ sở Bắc Ninh).
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy: 4,5 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 604

4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên phòng TH/TN	Các trang thiết bị chính
1	BM Bào chế	Máy đóng nang; Máy đùn viên hạt cải; Máy đo áp suất thẩm thấu Gonotec; Máy đo độ mài mòn viên PTF20E-Pharmatest; Máy dập viên; Máy kiểm tra độ trơn chảy hạt Erweka GWF; Máy ly tâm Z200A Hermle; Máy nghiền siêu mịn MM200 RETCH; Máy nhào trộn AR-400 ERWEKA Đức; Máy phun sấy LABPLANT SD05; Máy quang phổ UV-VIS Helios Gamma Unicam; Máy xác định độ rã thuốc viên ZT4-1; Máy xay bột mịn phòng thí nghiệm MF10 IKA Đức; Nồi hấp SA 30VF Đài Loan; Sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC Finigan Mỹ; Thiết bị đánh giá giải phóng dược chất thuốc đạn Pharmatest; Thiết bị đo độ nhớt LVDVE Book fiend Mỹ; Thiết bị đo độ thấm của dược chất qua da HANSON RESEARCH; Thiết bị tăng sôi mini Uniglatt; Tủ sấy; Tủ vi khí hậu; Máy soi thuốc tiêm; Máy đo độ hoà tan 6 cốc; Hệ thống đa chức năng dùng cho phòng thí nghiệm; Máy dập viên thuốc quay tròn mini; Bộ nổi trộn thuốc mỡ; Bộ tạo viên hạt cải Pelletier; Máy bao phim cỡ nhỏ; Máy đông khô; Máy đo độ cứng viên nén; Máy nén khí; Hệ thống máy khuấy đồng nhất tốc độ cao; Máy đóng thuốc phun mù và phụ kiện BS-8005 Bestone; HT máy đóng ống tiêm (b.gồm li tâm lạnh, bể ổn nhiệt lạnhTH); Máy thử độ giải phóng thuốc đạn Erweka DT620; Bộ sàng dây phân tích kích thước hạt; Tủ pha chế vô khuẩn Biobase, BSC-1500III; Thiết bị lọc tuyến tính Spectrumlabs, C02-S050-05-N; Thiết bị đồng nhất hóa liposome bằng PP ép qua màng Mini ..; Máy lọc nước siêu sạch Elga, PurelabClassic UV(490-502ADBNS); Buồng pha chế vô khuẩn Class 2 (490-502ADBNS); Máy đóng túi thuốc bột (520-526NSADBTW); Máy phân tích cỡ hạt (520-526NSADBTW); Máy tạo nang mềm ép khuôn (520-526NSADBTW); Máy đo hấp thụ chất rắn (520-526NSADBTW); Nồi cách thủy Daihan Scientific WB-22; Thiết bị phun bao phim Vangaurd; Máy xay SPM 15B; Máy đồng hóa bằng siêu âm UP 200Ht; Máy nén khí không dầu SWan SDU-310; Hệ thống bơm chân không dầu van quay hai cấp VRC - 400-14;

TT	Tên phòng TH/TN	Các trang thiết bị chính
		Nồi cách thủy Daihan Scientific WB-22; Máy đồng nhất mẫu bằng siêu âm Qsonica Q500 (520-526NSADBTW); Quang phổ UV-VIS
2	BM Công nghiệp Dược	Máy đông khô phòng thí nghiệm; Máy đóng nang thủ công; Máy đùn cốm và tạo hạt cầu QZY-350; Máy đo độ rắn viên nén ZT41 Erweka; Máy lắc có điều khiển tốc độ HS 501 IKA; Máy phun sấy B191 Buchi; Máy sấy tầng sôi Diosna Minilab; Mách tách chiết dược liệu 1200 viên SN 450; Máy trộn cốm khô mini CH 50; Máy đo pH để bàn PH 900 Precsica; Máy xay CW 180 Thượng Hải; Tủ ẩm 53 lít BD53 Binder Đức; Tủ sấy Memmert ULM-500; Tủ vô trùng (dự án 05); Lò nung Stuart Sei S1203 PID/S; Máy đo độ chảy Metler Toledo FP 62; Máy lắc IKA KS-125; Máy ly tâm Hettich Rotine 46; Máy sấy khô khí nén; Máy sấy khí nitơ Doumic Hunter UHPN 0751; Máy thử độ hòa tan Erweka DT-60; Nhót kế Cole Pammer P-98936-15; Phân cực kế A-Kruss P1000; Sắc ký lỏng HPLC Shimadzu; Tủ lạnh sâu Deep Preezer Unioryo Gss; Máy ly tâm lạnh Sygma 3-18 K; Điện di trên gel mini-Protean 3; Bể rửa siêu âm Branson 3510E - MTH; Tủ ẩm CO2 MCO15AC Sanyo; Máy tạo khí Hydrogen; Thiết bị Hydrro hoá; Máy gia nhiệt cho phản ứng; Hệ thống bơm chân không; Máy cất quay chân không; Bể lắc siêu âm; Nồi hấp tiệt trùng; Buồng cấy vi sinh class II; Máy quang phổ UV-VIS; Máy đo độ hoà tan thuốc viên; Hệ thống bình thủy tinh; Hệ thống cất quay chân không 20lít; Thiết bị làm ngưng nhanh; Máy đo nhiệt độ nóng chảy; Hệ thống bình phản ứng chịu áp lực; Tủ sấy chân không; Nồi hấp tiệt trùng KT 2346; Máy khuấy cơ học IKA; Máy đo độ cứng viên nén PTB 511E; Máy đo độ đục dung dịch; Máy tạo hoàn cứng tự động loại nhỏ DZ 20; Máy chiết siêu âm Sonics, VC 505; Máy đo vòng vô khuẩn IUL; Máy lắc ổn nhiệt cỡ nhỏ KWF, LSI 100B; Hệ thống điện phân; Tủ nuôi cấy vi sinh Biobase, BSC-1300IIA2-X; Máy cất nước 1 lần Favorit, WCS/8L; Máy dập viên tâm sai Gylongli, DP30A; Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore)520-526NSADBTW; Tủ vi khí hậu mức 2 5800RHSH (Contherm) (520-526NSADBTW); HT tích hợp máy trộn,xát hạt,sửa hạt CS nhỏ (520-526NSADBTW); Tủ nuôi cấy vi sinh (520-526NSADBTW); Bơm nhu động; Máy nghiền dạng cắt; Máy dập viên quay trong 16 chày; Máy khuấy từ gia nhiệt; Máy lọc ly tâm
3	BM Dược học cổ truyền	Bộ cất quay chân không R200 Buchi; Máy xay dược liệu SGF-130A; Quang phổ UV- VIS U1800 Hitachi; Tủ sấy hiện số Shellab 1260 FX-2E; Máy ly tâm; Tủ sấy dung tích 1000l; Chiết suất siêu âm WUC-D22H; Tủ sấy chân không WOV-70; Sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao HPTLC Camag+Phụ kiện; Hệ thống chụp ảnh và phân tích dữ liệu CAMAG TLC Visualizer; Bếp bảo ôn các loại; Bộ định lượng tinh dầu trong dược liệu; Bộ chiết xuất hồi lưu; Bộ cất dung môi
4	BM Dược lâm sàng	Máy ly tâm để bàn EBA20 Hettich

TT	Tên phòng TH/TN	Các trang thiết bị chính
5	BM Dược liệu	Bộ đèn UV soi sắc ký CN6 Vilber Lourmat; Bộ cất quay chân không R200 Butchi; Bộ sắc ký lớp mỏng định lượng Camag; Cân xác định hàm ẩm; Kính hiển vi 2 mắt; Kính hiển vi truyền hình Camera; Máy cất quay Butchi; Máy ly tâm PLC; Tủ sấy để bàn; Máy quang phổ UV-VIS; Máy chiết siêu âm Sonics, VC-505; Hệ thống máy sắc ký khí khối phổ GCMS, 7890A (490-502ADBNS); Bộ định lượng tinh dầu; Hệ thống máy chụp ảnh bản mỏng và phân tích dữ liệu TLC Visualizer; Kính hiển vi quang học 2 mắt; Kính hiển vi soi nổi; Tủ đựng mẫu; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao
6	BM Dược lực	Buồng nuôi cơ quan cô lập Ugo Basile 4000; Bộ chuyển đổi co thất phế quản 7020 Panlab letica; Kính hiển vi 2 mắt YS 100 Nikon; Máy đo độ phù chân chuột LE 7500 Panlab; Máy đo HA gián tiếp LE5002 Ugobasil; Máy ghi 1 kênh Ugo Basile; Máy kích thích điện 1 kênh LI-12006; Máy kích thích điện 4 kênh LE 12406-TC; Máy ủ ẩm dùng cho HA chuột LP 5610; Quang phổ UV-1240 Shimadzu; Tủ sấy Memmert UM 500 Đức; Trụ quay Rota-Rod 7650 Ugo basile; Thiết bị ghi điện 1 kênh; Máy đo PH để bàn; Máy đo phản xạ bằng bản nhiệt; Bộ đo giảm đau trên bàn chân chuột; Tủ ẩm điều nhiệt và phụ kiện (b.gồm máy nghiền đồng thể); Máy ly tâm thường và phụ kiện Gilson; Hốt nuôi cấy vô trùng và phụ kiện BIO AIR; Máy cất nước 2 lần Hamilton; Nồi hấp tiệt trùng và phụ kiện ALP; Hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen và phụ kiện UVP; Tủ lạnh sâu MDF SANYO và hệ thống cung cấp nguồn điện; Tủ ẩm nuôi tế bào có gắn bình CO2 MCO-15AC, SANYO; Máy điện di đứng BIORAD; Tủ lạnh sâu 58T-560L Denver; Máy ly tâm dùng trong sinh học phân tử để tách AND 5415R; Máy ly tâm lạnh 5702R; Hệ thống Elisa; Kính hiển vi soi ngược CKX 41-Olympus; Hệ thống PCR Eppendorf; Hệ thống máy Real-time PCR; Máy điện di AND, HU10; Máy lắc ngang Multi Bio 3D; Máy ly tâm thường Hettich, EBA20; Máy đo sinh hóa máu Teco, TC3300 Plus; Máy ủ có lắc TSC Biometra GmbH (520-526NSADBTW); Bộ khuếch đại tín hiệu kiểu lực cơ cơ (520-526NSADBTW); Máy đo hoạt tính vận động (520-526NSADBTW); Máy (lồng) ghi chuyển hóa (520-526NSADBTW); Máy (lồng) ghi phản xạ có điều kiện (520-526NSADBTW); Máy hút chân không (520-526NSADBTW); Máy phân tích huyết học của động vật 20 thông số Urit-3000; Bơm tiêm điện tự động Terumo TE-SS700(520-526NSADBTW); Bơm tiêm điện tự động Terumo TE-SS700(520-526NSADBTW); Máy nghiền đồng thể bằng lưỡi cắt; Máy phá mẫu bằng siêu âm; Máy đo lưu lượng tuần hoàn máu não động vật T402-PB.
7	BM Hóa dược	Lò nung Linn LM 312-10; Máy ly tâm để bàn EBA20 Hettich; Máy cất quay CK chuyên dụng R200 Basic; Máy chuẩn độ tự động 809Titrand-Mettrohm; Máy xác định nhiệt nóng chảy SMP 3 Stuart; Phân cực kế để bàn Kruss; Quang phổ UV-VIS; Tủ sấy ED 115 Binder; Bơm hút chân không; Máy sinh khí Hydro; Máy cất quay chân không R210; Thiết bị Hydrogen hóa 3911-PAR; Tủ sấy chân không WOV-70; Máy khuấy từ IKA; Máy làm bay hơi mẫu bằng khí N2 Zannetek, Zipvap 8; Tủ lạnh âm sâu 80 độ MR-HV-80-200; Thiết bị làm lạnh bình phản ứng B6/-85;

TT	Tên phòng TH/TN	Các trang thiết bị chính
		Sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao HPTLC Camag+Phụ kiện; Máy lắc xoay IKA HS-260 Basic; Hệ thống bơm chân không Rocker; Hệ thống bình phản ứng thủy tinh Lenz; Máy khuấy cơ Daihan Scientific, HS120A; Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan MSH-20A; Máy quang phổ hồng ngoại (520-526NSADBTW); Máy đo năng suất quay cực cơ Euromex - 99.400; Tủ bảo quản mẫu; Cân kỹ thuật; Cân phân tích; Đèn UV soi sắc ký; Bể điều nhiệt; Phân cực kế tự động; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao
8	BM Hóa phân tích	Lò nung ThermConcept; Hệ thống điện di mao quản 3D CE Agilent technologies; Máy ly tâm PLT 012 Germany; Đèn Cathode rỗng + dd chuẩn 4 loại; Bơm mẫu tự động cho AAS ASC -6100 Nhật; Bộ hydrat hóa HVG- 1 Shimadzu; Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử AA-6800; Lò Graphite GFA - EX7 Shimadzu; Máy tạo khí Nitơ Claind; Sắc ký khí Fision (Carlo Eva) GC 8000 TOP; Máy quang phổ UV- VIS; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model 1200; Máy cực phổ 797VA; Máy phân tích nhiệt TGA Metler Toledo TGA/DSC 1; Máy quang phổ huỳnh quang Agilent/ CaryEclipse 490-502ADBNS; Cân kỹ thuật điện tử 0,01 Sartorius, TE412; Cân phân tích điện tử 0,0001 Sartorius, TE214S; Máy cất nước hai lần Hamilton WSC/4D; Máy đo PH Metler Toledo FE 20 Kit; Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Kubota 6500 (520-526NSADBTW); Tủ lạnh âm -86 độ C(500l)MDF-594-PB Panasonic 520-526NSADBTW; Máy thử độ hòa tan Erweka DT626; Máy đo lưu biến (520-526NSADBTW); Hệ thống phân tích khối phổ LCMSMS/ESI/APCI(520-526NSADBTW); Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao HPTLC (520-526NSADBTW; HT máy quang phổ phát xạ (m.tính, máy in) (520-526 ADBNS); Máy lọc nước siêu sạch Elga Purelab Classic UV; Máy điện di mao quản; Bộ chiết pha rắn; Máy cô mẫu bằng N2
9	BM Hóa Sinh	Máy hydrogen hóa PARR; Máy ly tâm PLC-012 Gemmy; Máy quang phổ UV-VIS Hitachi; Nồi hấp tiệt trùng HV 25 Hyrayama; Tủ ẩm 53 lít BD53 Binder; Tủ sấy để bàn ULM 500 Memmert; Tủ sấy chân không Heraeus VTR-5022; Máy đếm khuẩn lạc Sibataschi-tech CL-560; Máy đo quang photometer; Máy cất quay chân không; Máy ly tâm PLC012E; Máy phân tích sinh hóa nước tiểu; Máy phân tích sinh hóa máu; Máy điện di mini Scien-plas; Tủ lạnh âm sâu 80 độ MR-HV-80-200; Máy đông khô ALPHA 1-2 Ldplus; Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Hettich,Mikro 220R+ phụ kiện; Máy điện di AGAROSE Consort E3200; Bộ giá trữ lạnh ống EPPENDORF; Bể ổn nhiệt Biobase, SY-1L4H; Máy ly tâm Spin down Daihan Scientific, CF-5; Máy điện di gel Consort E3200 (bộ nguồn EV231); Máy nhân gen (PCR) C1000 Touch Bio-rad (520-526NSADBTW); Hệ thống chụp và phân tích Gel InfinityVX2 (520-526NSADBTW); Hệ thống điện di đẳng điệnBio-Rad/Mini Protean520-526NSADBTW; Hệ thống Elisa (Bio-Rad Laboratories) (520-526NSADBTW); Kính hiển vi nổi camera,máy tính (Eclipse Ci-L)520-526ADBTW; Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore) 520-526NSADBTW; Tủ ẩm CO2 (MCO-18AC-PE) Panasonic (520-526NSADBTW);

TT	Tên phòng TH/TN	Các trang thiết bị chính
		Máy đẩy ép qua màng (520-526NSADBTW); Máy hút dung dịch bằng chân không Accuris V0020; Máy nghiền đồng thể Benchmark D1000; Bộ bảo quản mẫu bằng Nito lỏng
10	BM Hữu cơ	Máy cất quay CK chuyên dụng R 200 Basic; Tủ sấy Heraeus T5050; Máy cất quay chân không; Bể điều nhiệt tuần hoàn lạnh; Máy đo nhiệt độ nóng chảy MPA; Tủ đá Gelin Electric; Kính hiển vi 2 mắt và phụ kiện MBL-2000S; Thiết bị phản ứng áp lực LAB AUTOCLAVE; Thiết bị phản ứng sử dụng kỹ thuật vi sóng Sineo Uwave 1000; Thiết bị phản ứng nhiệt độ -80C Greatwall Scientific DHJF800; Bơm chân không tuần hoàn nước Herlab, SHB-III; Tủ lạnh bảo quản mẫu Alaska IF21
11	BM Thực vật	Kính hiển vi 2 mắt; Kính hiển vi truyền hình Camera DMLS Leica; Kính lúp soi nổi Nikon SMZ-2T-D; Máy cắt tiêu bản HM 325 Microm Carl Zeiss; Máy làm tiêu bản AP 280 Microm Carl Zeiss; Máy ly tâm để bàn EBA 20 Hettich; Nồi hấp tiệt trùng Sanyo MLS- 2420; Tủ ẩm Memmert BE-500; Tủ sấy hiện số Shelaf 1350 FX-2E; Buồng pha chế vô khuẩn LHC -4AX ESCO; Tủ lạnh sâu MDF C8V; Bơm chân không tuần hoàn nước; Máy lắc ổn nhiệt; Máy cất quay chân không; Máy xay được liệu CFS; Máy điện di AND và phụ kiện; Hệ thống soi và chụp ảnh gen và phụ kiện; Máy nhân gen và phụ kiện; Máy ly tâm lạnh và phụ kiện; Máy điện di AND và phụ kiện; Bể ổn nhiệt; Tủ lạnh -30°C MDF-U333 SANYO; Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao Camag+ phụ kiện; Kính hiển vi nổi camera,máy tính(Eclipse Ci-L)520-526NSADBTW; Kính hiển vi soi nổi kết nối camera,máy tính (520-526ADBWTW); Nồi hấp tiệt trùng 501 (HV50 Hirayama) (520-526NSADBTW); Tủ ẩm MIR-262-PK Panasonic (520-526NSADBTW); Máy khử trùng chống mốc (520-526NSADBTW), Cân kỹ thuật; Cân phân tích
12	BM Vật lý - Hóa lý	Bộ dụng cụ dùng để xác định tỷ trọng Precisa; Bể điều nhiệt tuần hoàn Uni 200 Raypa TBN; Cầu Wheatstone; Khúc xạ kế A-Kruss AR-4 ABBE; Máy đo áp suất thẩm thấu OSMAT 030 GONOTEC; Máy đo độ dẫn để bàn EC 214; Máy khuấy cơ Velp; Máy ly tâm để bàn Hermle; Tủ ẩm 50 TA Vietronic; Phân cực kế A- Kruss P 1000; Quang phổ UV- VIS U1800 Hitachi; Tủ sấy ED 115 Binder; Máy đo độ nhớt kiểu Prolab; Máy đo độ nhớt quay kiểu Brookfield; Cân phù nhiệt MORH; Máy đo nhiệt độ nóng chảy; Máy đo độ bền Gel CT3; Khúc xạ kế tự động hiện số DR6100; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao; Kính hiển vi 2 mắt Akruss; Máy chuẩn độ điện thế; Máy đo độ dẫn điện Metler Toledo S30; Máy chuẩn độ điện thế Metler Toledo S20; Bộ thí nghiệm mạch cầu; Máy đo PH Metler Toledo FE 20 Kit; Kính hiển vi nổi camera,máy tính(Eclipse Ci-L)520-526NSADBTW; Máy chuẩn độ điện thế tự động (520-526NSADBTW); Máy xay keo (520-526NSADBTW); Máy đo hằng số điện môi (520-526NSADBTW); Máy đồng nhất hóa áp suất cao (520-526NSADBTW); Máy đo áp suất thẩm thấuGonotec-Osmomat 3000 (520-526 ADBNS); Máy đồng hóa bằng siêu âm UP 200Ht; Cân phân tích điện tử Precisa ES 225SM-DR (520-526NSADBTW); Bộ vi chiết pha rắn; Phân cực kế; Khúc xạ kế

TT	Tên phòng TH/TN	Các trang thiết bị chính
13	BM Vi sinh - Sinh học	Bàn lắc 2 tầng cho máy lắc BR 300 LF-TAITEC; Buồng nuôi cấy vi sinh Hepa Sanyo 711 ATS; Kính hiển vi 2 mắt; Kính hiển vi có camera Carl Zeiss/Sony; Máy lắc điều nhiệt nhiều chỗ BR 3000 LF-TAITEC; Máy lắc để bàn 3017-GFL-Đức; Máy ly tâm để bàn Hermle; Nồi hấp tiệt trùng HV 25; Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA- HVE25; Tủ ấm 53 lít BD53 Binder; Tủ lạnh MDF 236 Sanyo; Tủ sấy hiện số Shelaf 1350 FX-2E; Máy cắt quay chân không; Máy quang phổ UV-VISS; Máy ly tâm lạnh siêu tốc Hermle Z325K; Máy điện di ngang trên giấy thạch Consort E3400; Máy điện di ứng Consort E4100; Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore)520-526NSADBTW; Tủ ấm CO2 (MCO-18AC-PB) Panasonic (520-526NSADBTW)
14	BM Hóa Đại cương - Vô Cơ	Kính hiển vi 2 mắt; Bể siêu âm để rửa dụng cụ LC60/H Elma; Lò vô cơ hóa mẫu V800 Larsal; Ly tâm ống để bàn Rotofix32 Hettich; Máy đo PH WTW 730; Máy cất nước 2 lần WSC- 4D Haminton; Máy khuấy kiểu mô tơ ES; Quang phổ UV-VIS U1800 HITACHI; Tủ sấy chân không Shelab 1430; Máy ly tâm; Máy đo PH Metler Toledo FE20 Kít; Lò nung Nabertherm L5/11; Cân kỹ thuật; Cân phân tích
15	BM Y học cơ sở	Tủ lạnh sâu Sanyo MDF-435 429 lít; Kính hiển vi 2 mắt; Mô hình người; Tủ sấy để bàn WOF- 105 Daihan; Cân phân tích Saturius; Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8; Máy ly tâm thường Hettich, EBA20; Máy Kimograph PANLAB; Chuồng Mê lộ; Máy phân tích huyết học TECO; Máy quang phổ UV-VIS SP3000 Nano; Máy Kimograph Panlab; Máy đo sinh hóa máu TECO, TC3300Plus; Máy phân tích xét nghiệm nước tiểu TECO,TC101; Kính hiển vi truyền hình + Tivi + Máy ảnh; Hệ thống Elisa (Bio-Rad Laboratories) (520-526NSADBTW); Thiết bị đo rối loạn hô hấp của động vật; Thiết bị đo rối loạn hô hấp của động vật; Máy đo dung tích sống Dalco&Bird Wet Spirometer; Máy đo dung tích sống Dalco&Bird Wet Spirometer; Hệ thống đa phương tiện mô phỏng giảng dạy SL (520-526NSADBTW)
16	Viện CNDP QG	Bơm hút chân không Leybord DIVAC 0,6L; Bộ lọc nước siêu sạch Easypure RF Barsted; Hệ thống sắc ký bản mỏng Camag; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC Themo Fingan (+ v/c; Máy đo điểm chảy Sanyo Gallen Kamp; Máy cất nước 2 lần WSC 008; Máy ly tâm để bàn EBA 20 Hettich; Tủ sấy Memmert ULM -500; Tủ lạnh sâu MDF -U333; Tủ sấy chân không; Máy đo độ hòa tan; Hệ thống thiết bị làm bay hơi dung môi; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model 1260; Máy phân tích nhiệt DSC Mettler Toledo; Máy thử độ mài mòn viên thuốc Erweka,TAR120; Máy đo độ trơn chảy của hạt Erweka, GTL; Máy đo khối lượng riêng của bột Erweka, SVM223; Phân cực kế AKRUSS, P-1000-LED; Máy quang phổ UV-VIS SP 3000 Nano; Máy ly tâm lạnh siêu tốc Helmre Micro 220R; Máy cắt quay chân không BUCHI R3; Máy bao viên mini CALEVA MCD2; Máy đánh giá giải phóng thuốc qua Hanson Reasearch; Máy ly tâm lạnh siêu tốc Hermle Z326K; Máy dập viên quay tròn 8 chày dùng cho phòng TN Labpress II; Tủ sấy 150 lít Daihan Scientific, WOF-155; Hệ thống chiết siêu tới hạn và tạo hạt Separex 490-

TT	Tên phòng TH/TN	Các trang thiết bị chính
		502ADBNS; Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan Scientific, MSH-20A; Tủ sấy chân không LVO 2040 Daihan Labtech (520-526NSADBTW); Máy đo độ cứng viên thuốc Pharmatest PTB - 311E; Bể rửa siêu âm khoảng 6 lít Daihan WUC-A06H; Máy quang phổ hồng ngoại IR Jasco 6700 (kèm M.tính, M.in); Thiết bị xử lý mẫu bằng phương pháp chiết pha lỏng-lỏng; Tủ bảo quản chất chuẩn, chất đối chiếu Haier HYC-940; Tủ vi khí hậu Climacell Deayang TH-180S; Máy thử độ đã Pharmatest DIST 3; Máy cung cấp khí Nitrogen cho xử lý mẫu; Tủ lạnh sâu bảo quản mẫu sinh học Haier DW-86W420; Máy đo hàm lượng nước Karl-Fisher V20, Metler Toledo; Máy khuấy tốc độ cao (520-526NSADBTW); Máy sấy và bao tằng sôi (520-526NSADBTW); Máy trộn cao tốc tạo hạt (520-526NSADBTW); Hệ thống phân tích khối phổ LCMSMS/ESI/APCI(520-526NSADBTW); Máy đồng hóa bằng siêu âm Sonic VCX-130; Máy ly tâm 8000 vòng/phút Hettich EBA 200S; Máy thử độ hòa tan 8 cốc hút tự động (520-526 ADBNS); Máy dập viên 2 lớp 8 chày(gồm máy hút bụi CN) (520-526ADBNS); Máy đùn - vo tạo cầu Caleva-Mini batch kit (520-526NSADBTW); Máy cất nước 2 lần; Máy đo độ dẫn điện; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao

4.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	09
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	12
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	10
5	Số phòng đa phương tiện	04

4.1.4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành VI	- Tài liệu giấy: 12.325 đầu tài liệu, trong đó + Sách: 6.150 + Luận án, luận văn, khóa luận: 6.059 + Tạp chí: 6 đầu tạp chí - Giáo trình: 110 đầu giáo trình - CSDL thư mục: + Sách: 5.709 biểu ghi + Luận án, luận văn, khóa luận: 5.479 biểu ghi + Bài trích thư mục tạp chí: 56.020 bài trích

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
		- Cơ sở dữ liệu số: 7.381 trong đó + Sách: 636 + Luận án, luận văn, khóa luận: 5.463 + Tạp chí Việt: 319 file + Bài trích hội nghị nghiên cứu khoa học: 38 + Tạp chí ngoại văn: 925 + 01 liên kết với CSDL của HINARI

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Khối ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Khối ngành VI/Ngành được học					
Nguyễn Thanh Bình	x				
Đinh Thị Thanh Hải		x			
Đào Minh Huy					x
Vũ Ngọc Mai				x	
Nguyễn Văn Lâm				x	
Nguyễn Cảnh Hưng				x	
Nguyễn Đăng Hoà		x			
Phạm Thị Minh Huệ	x				
Nguyễn Thị Mai Anh			x		
Nguyễn Trần Linh			x		
Vũ Thị Thu Giang		x			
Nguyễn Thạch Tùng			x		
Trần Thị Hải Yến			x		
Phạm Bảo Tùng			x		
Dương Thị Hồng Ánh			x		
Dương Văn Tú			x		
Lê Ngọc Khánh				x	
Trần Trọng Biên					x
Lê Thị Thu Hoà				x	
Nguyễn Thị Trinh Lan			x		
Đào Nguyệt Sương Huyền				x	
Nguyễn Khắc Tiệp				x	
Nguyễn Văn Giang				x	
Trần Ngọc Bảo				x	
Nguyễn Đình Luyện		x			
Đàm Thanh Xuân		x			
Nguyễn Thị Thanh Duyên		x			
Nguyễn Văn Hải			x		

Khối ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Bùi Thị Thuý Luyện			x		
Phạm Thái Hà Văn				x	
Chữ Thị Thanh Huyền				x	
Nguyễn Mạnh Tuyền		x			
Bùi Hồng Cường		x			
Đào Thị Thanh Hiền			x		
Hà Vân Oanh			x		
Cao Thị Bích Thảo				x	
Nguyễn Thị Hồng Hạnh				x	
Nguyễn Tứ Sơn				x	
Trịnh Trung Hiếu				x	
Lê Bá Hải				x	
Đồng Thị Xuân Phương				x	
Nguyễn Thị Thảo				x	
Nguyễn Thị Thu Thuý				x	
Nguyễn Thị Liên Hương		x			
Phạm Thị Thuý Vân		x			
Nguyễn Thành Hải		x			
Nguyễn Thanh Tùng					x
Phạm Tuấn Anh				x	
Thân Thị Kiều My				x	
Lê Thanh Bình				x	
Nguyễn Viết Thân		x			
Nguyễn Thu Hằng		x			
Nguyễn Hoàng Tuấn		x			
Nguyễn Quỳnh Chi			x		
Trần Hồng Linh				x	
Nguyễn Thu Hằng				x	
Ngô Thanh Hoa				x	
Phạm Đức Vịnh				x	
Đào Thị Vui		x			
Đỗ Thị Nguyệt Quế			x		
Nguyễn Thuý Dương		x			
Lê Đình Quang				x	
Trần Đình Nghĩa				x	
Mai Xuân Bách				x	
Nguyễn Phương Nhung				x	
Hoàng Thị Tuyết Nhung			x		
Nguyễn Thị Ngọc Hà			x		
Đỗ Thị Mai Dung					x

Khối ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Đỗ Thị Thanh Thủy				x	
Nguyễn Hải Nam	x				
Phan Thị Phương Dung		x			
Nguyễn Thị Thuận			x		
Đào Thị Kim Oanh		x			
Phạm Thế Hải			x		
Trần Phương Thảo			x		
Nguyễn Công Trường					x
Hoàng Thu Trang				x	
Bùi Thị Thanh Hà				x	
Ngô Xuân Hoàng				x	
Vũ Trần Anh		x			
Văn Thị Mỹ Huệ		x			
Nguyễn Mai Hương				x	
Nguyễn Lâm Hồng				x	
Tổng Thị Thanh Vượng				x	
Vũ Tùng Lâm				x	
Bùi Đình Sơn				x	
Vũ Ngân Bình				x	
Nguyễn Thị Thuỳ Linh				x	
Phạm Lê Minh				x	
Ngô Minh Thúy				x	
Nguyễn Hoàng Lê				x	
Thái Nguyễn Hùng Thu	x				
Vũ Đặng Hoàng		x			
Phạm Thị Thanh Hà		x			
Trần Nguyên Hà			x		
Lê Đình Chi			x		
Đặng Thị Ngọc Lan			x		
Mai Văn Hiên					x
Nguyễn Thị Loan				x	
Nguyễn Thị Mai Hương				x	
Nguyễn Xuân Bắc			x		
Nguyễn Văn Rư		x			
Nguyễn Thị Lập		x			
Phùng Thanh Hương		x			
Đào Thị Mai Anh			x		
Lã Thị Quỳnh Liên			x		
Nguyễn Phương Chi				x	
Kiều Thị Tuyết Mai					x

Khối ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Phạm Nữ Hạnh Vân				x	
Nguyễn Thị Phương Thuý				x	
Dương Viết Tuấn				x	
Lê Thu Thủy				x	
Nguyễn Vĩnh Nam				x	
Nguyễn Minh Hoàng				x	
Nguyễn Thị Thanh Hương		x			
Trần Thị Lan Anh			x		
Phạm Thị Linh Giang					x
Phạm Hà Thanh Tùng				x	
Nghiêm Đức Trọng				x	
Trần Văn Ôn		x			
Hoàng Quỳnh Hoa			x		
Lê Xuân Kỳ					x
Nguyễn Anh Vũ				x	
Trần Thị Huyền				x	
Võ Quốc Ánh				x	
Lê Thị Thu Trang				x	
Lý Công Thành				x	
Vũ Thị Hồng Hạnh				x	
Đào Văn Nam				x	
Nguyễn Thị Hồng Đức				x	
Nguyễn Đức Thiện			x		
Lê Thị Thu Hương				x	
Nguyễn Liên Hương				x	
Tạ Thu Lan				x	
Cao Văn Thu		x			
Trần Trịnh Công			x		
Đỗ Ngọc Quang			x		
Nguyễn Quỳnh Lê			x		
Phan Thu Hằng				x	
Nguyễn Đức Minh					x
Nguyễn Hoàng Long					x
Nguyễn Thị Hiền				x	
Trần Thị Thanh Huyền				x	
Nguyễn Thị Phương Lan				x	
Phan Thị Tố Như				x	
Nguyễn Nữ Hải Yến				x	
Trần Quang Tuyền				x	
Trần Thị Lan Hương				x	

Khối ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Vũ Xuân Giang			x		
Vũ Thùy Dương				x	
Kiều Thị Hồng				x	
Nguyễn Tường Vy		x			
Đỗ Quyên		x			
Nguyễn Thái An		x			
Nguyễn Thị Song Hà		x			
Đỗ Hồng Quảng		x			
Đỗ Xuân Thắng			x		
Nguyễn Thị Hương Giang				x	
Võ Thị Thu Thủy				x	
Nguyễn Hoàng Anh		x			
Vũ Đình Hoà			x		
Nguyễn Thị Kiều Anh		x			
Nguyễn Ngọc Chiến		x			
<i>Tổng khối ngành VI/Ngành được học</i>	<i>4</i>	<i>36</i>	<i>34</i>	<i>78</i>	<i>11</i>
GV môn chung					
Vũ Đình Tuấn					x
Trần Quang Long					x
Vũ Tiến Thành					x
Đỗ Mạnh Dũng					x
Trần Thị Giang Thanh				x	
Lê Thị Thảo				x	
Lê Thị Lan Anh				x	
Vũ Thị Thảo				x	
Nguyễn Ngân Hà				x	
Vũ Văn Vinh			x		
Nguyễn Thị Thanh Vân				x	
Trịnh Thị Thanh Xuân				x	
Nguyễn Thị Lệ Thi					x
Vũ Thị Nhung					x
Lê Tố Hương					x
Nguyễn Văn Anh				x	
Phạm Thị Hồng Cẩm				x	
Phạm Đình Thắng				x	
Hoàng Nguyên Phong				x	
Đỗ Thành Long				x	
Quách Thị Sen				x	
<i>Tổng giảng viên môn chung</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>13</i>	<i>7</i>

Khối ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Tổng số giảng viên toàn trường: 184	4	36	35	91	18

4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Khối ngành VI/Ngành Được học	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Nguyễn Gia Bình	x				
Hoàng Thị Kim Huyền	x				
Nguyễn Xuân Thắng	x				
Trần Công Khánh		x			
Lê Thành Phước		x			
Nguyễn Minh Khởi		x			
Lê Thị Luyện		x			
Bùi Đức Dương		x			
Nguyễn Quốc Huy		x			
Trần Thị Oanh		x			
Nguyễn Tiến Dũng		x			
Đinh Thị Kim Dung		x			
Phạm Thiện Ngọc		x			
Trần Nhân Thắng		x			
Tạ Mạnh Cường		x			
Phạm Duy Hiền		x			
Nguyễn Tiến Quyết		x			
Trần Văn Tuấn		x			
Nguyễn Thị Minh Phương		x			
Phạm Nguyên Sơn		x			
Phùng Hòa Bình		x			
Phạm Ngọc Bùng		x			
Đào Kim Chi		x			
Từ Minh Kóong		x			
Nguyễn Văn Long		x			
Phạm Quang Tùng		x			
Bạch Vọng Hải		x			
Vũ Thị Ngọc Thanh		x			
Lê Quang Huấn		x			
Đinh Duy Kháng		x			
Nguyễn Thị Bích Thu		x			
Phương Thiện Thương		x			
Nguyễn Xuân Ninh		x			

Khối ngành VI/Ngành Dược học	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Trần Việt Hùng		x			
Trịnh Văn Lầu		x			
Trịnh Văn Qùy		x			
Đoàn Cao Sơn		x			
Lê Thị Hồng Hảo		x			
Nguyễn Xuân Thành		x			
Trương Quốc Cường			x		
Hà Văn Thúy			x		
Phạm Xuân Viết			x		
Nguyễn Thanh Hồi			x		
Trần Văn Sáu			x		
Bùi Tuấn Anh			x		
Bùi Hải Bình			x		
Vũ Trường Khanh			x		
Cần Tuyết Nga			x		
Phạm Huy Thông			x		
Đồng Văn Thành			x		
Nguyễn Hữu Trường			x		
Nguyễn Văn Tuấn			x		
Bùi Thị Thanh Hà			x		
Hoàng Thị Minh Hiền			x		
Nguyễn T.Phương Ngọc			x		
Nguyễn Thị Ngọc			x		
Phan Quỳnh Lan			x		
Phạm Minh Hưng			x		
Nguyễn Thị Kim Thu			x		
Nguyễn Thị Hồng Hà			x		
Nguyễn Huy Bạo			x		
Nguyễn Trung Hà			x		
Nguyễn Sơn Nam			x		
Ngô Tất Trung			x		
Nguyễn Quỳnh Hoa			x		
Nguyễn Viết Tiệp			x		
Nguyễn Thị Vinh Huê			x		
Bành Như Cương			x		
Nguyễn Thị Sinh			x		
Vũ Thị Trâm			x		
Nguyễn Xuân Trường			x		
Nguyễn Thị Hường			x		

Khối ngành VI/Ngành Dược học	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Trần Bá Kiên			x		
Nguyễn Thị Kim Chi			x		
Nguyễn Như Lâm			x		
Lê Thị Thùy Dương			x		
Đồng Văn Quyền			x		
Lý Thị Bích Thủy			x		
Đỗ Thị Tuyên			x		
Khuất Hữu Trung			x		
Phạm Thị Nguyệt Hằng			x		
Nguyễn Tuấn Hiệp			x		
Cao Thu Hương			x		
Nguyễn Đỗ Huy			x		
Bùi Thị Nhung			x		
Lê Minh Hà			x		
Nguyễn Xuân Trường			x		
Nguyễn Đức Toàn			x		
Trần Thế Bách			x		
Lê Thu Hà			x		
Nguyễn Thế Hùng			x		
Lê Vân Anh			x		
Nguyễn Thị Hồng Thuỷ				x	
Bùi Văn Đạm				x	
Trần Thị Thanh Hà				x	
Phan Thị Thanh Hà				x	
Cao Thị Thu Huyền				x	
Phan Lê Bình Mai				x	
Chu Quốc Thịnh				x	
Chu Đăng Trung				x	
Dương Thị Thanh Hải				x	
Đinh Thanh Điệp				x	
Lê Thị Vân Anh				x	
Trần Thị Tô Châu				x	
Đỗ Thị Hồng Gấm				x	
Chu Chí Hiếu				x	
Đỗ Trương Thanh Lan				x	
Lê Thị Liễu				x	
Nguyễn Công Long				x	
Nguyễn Phương Mai				x	
Nguyễn Thị Lệ Minh				x	

Khối ngành VI/Ngành Dược học	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Nguyễn Thu Minh				x	
Nguyễn Thị Nga				x	
Đào Đức Phong				x	
Nguyễn Trường Sơn				x	
Tạ Thị Hương Trang				x	
Lê Danh Vinh				x	
Vũ Thị Thu Hương				x	
Nguyễn Vĩnh Hưng				x	
Nguyễn Trung Nghĩa				x	
Nguyễn Thị Thu Hương				x	
Bùi Đức Trung				x	
Phan Việt Sinh				x	
Vũ Hồng Minh				x	
Bùi Minh Đức				x	
Đỗ Thị Thu Hương				x	
Nguyễn Thanh Hiền				x	
Hoàng Thái Hoà				x	
Nguyễn Thị Thuỷ				x	
Nguyễn Huy Tuấn				x	
Bế Ái Việt				x	
Hoàng Khánh Toàn				x	
Nguyễn Đức Trung				x	
Nguyễn Huy Văn				x	
Hoàng Văn Lâm				x	
Nguyễn Thuỷ Dương				x	
Ngô Quang Trung				x	
Phạm Hoàng Hà				x	
Nguyễn Thị Đông				x	
Nguyễn Thành Đạt				x	
Nguyễn Thanh Phương				x	
Hà Thu				x	
Cao Công Khánh				x	
Nguyễn Ngọc Bảo				x	
Phan Thế Cường				x	
Cao Thị Minh Ngọc				x	
Lê Hải Yên				x	
Lê Thị Minh Chính				x	
Lê Đình Bích				x	
Nguyễn Duy Thiệp				x	

Khối ngành VI/Ngành Dược học	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Lê Thị Thanh Nga				x	
Bùi Ngọc Dung				x	
Nguyễn Văn Phương					x
Nguyễn Tùng Sơn					x
Lê Thiên Kim					x
Đào Huyền Quyên			x		
Nguyễn Hữu Dũng			x		
Nguyễn Gia Bình		x			
Lê Hồng Công			x		
Phạm Trần Thu Hà				x	
Trần Quang Bình		x			
Trương Tuyết Mai		x			
Phạm Thị Nguyệt Hằng			x		
Lê Nhật Minh			x		
Hoàng Văn Vinh			x		
Đinh Thúy Hằng			x		
Dương Tuấn Linh			x		
Mỵ Đức Anh				CKI	
Vũ Thái Bình				CKI	
Tổng Khắc Chấn				CKI	
Ngô Duy Đông				CKI	
Đào Minh Đông				CKI	
Đỗ Minh Đức				CKI	
Lê Khả Hải				CKI	
Nguyễn Văn Dũng				CKI	
Đặng Thị Thu Hằng				CKI	
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh				CKI	
Lê Thị Hoa				CKI	
Mai Khắc Hùng				CKI	
Hứa Ngọc Huy				CKI	
Phạm Thị Phương Lý				CKI	
Phạm Thị Tuyết Mai				CKI	
Bùi Hoàng Dương				CKI	
Trần Tấn Phong				CKI	
Lưu Thị Phương				CKI	
Vũ Thị Minh Phương				CKI	
Đỗ Văn Quyền				CKI	
Phạm Thị Hồng Oanh				CKI	
Trần Thị Hoè				CKI	

Khối ngành VI/Ngành Dược học	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH
Ngô Tiến Tài				CKI	
Bùi Văn Thắng				CKI	
Bùi Duy Duyn				CKI	
Nguyễn Thị Anh Thi				CKI	
Lê Anh Tinh				CKI	
Đoàn Kim Ưng				CKI	
Phạm Thị Thu Trang				CKI	
Nguyễn Thị Mai Trang				CKI	
Nguyễn Duy Trung				CKI	
Võ Thị Thanh Vân				CKI	
Nguyễn Thành Chương				CKI	
Phạm Thị Mai Xinh				CKI	
Ngô Thị Thanh Xuân				CKI	
Đinh Thị Bảy			CKII		
Phạm Ngọc Thơm			CKII		
Vũ Trọng Thường			CKII		
Trần Văn Hà			CKII		
Đặng Thị Hoa			CKII		
Nguyễn Thị Hoàng Hoa			CKII		
Trần Cúc			CKII		
Nguyễn Tiến Sơn			CKII		
Đỗ Thị Thu Huyền			CKII		
Nguyễn Trọng Cường			CKII		
Lương Tấn Đức			CKII		
Nguyễn Xuân Quang			CKII		
Trần Thị Thanh Hà			CKII		
Nguyễn Anh Phương			CKII		
Nguyễn Công Thục			CKII		
Tổng số giảng viên thỉnh giảng toàn trường: 217	3	39	76	96	3

5. Tình hình việc làm

Khối ngành VI/Ngành Dược học	Chỉ tiêu Tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng (%)
Khóa tốt nghiệp năm 2016	600	470	447	100
Khóa tốt nghiệp năm 2017	600	566	563	100

6. Tài chính

- Tổng nguồn thu năm 2018 của Trường: 103.930.495.000 đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình cho 01 sinh viên năm 2018: 28.000.000 đồng.

Cán bộ kê khai



Vũ Xuân Giang

Điện thoại: 0913514247

Email: giangvx@hup.edu.vn

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Bình

